HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /NQ-HĐND	*Lộc Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung như sau:

A. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công

1. Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của huyện.

2. Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.

4. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

5. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

6. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 là 4.028.261 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn huyện quản lý: 2.257.151 triệu đồng.

2. Vốn tỉnh hỗ trợ: 1.078.110 triệu đồng.

3. Vốn Trung ương hỗ trợ: 693.000 triệu đồng.

III. Phương án phân bổ chi tiết:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 của huyện là **3.662.055 triệu đồng**, bao gồm:

1. Dự án chuyển tiếp: 440.993 triệu đồng.

2. Dự án khởi công mới: 3.221.062 triệu đồng.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

B. Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư tổng vốn 4.500 triệu đồng *(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

Điều 2.

1. Giao UBND huyện Lộc Ninh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của HĐND huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Lộc Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hùng

Nơi nhận:
- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ và đại biểu HĐND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

Biểu số 1

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 33/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Lộc Ninh)

Đvt: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%	
	Tổng số	**4.028.261**	**3.662.055**	**366.206**	
1	Vốn huyện quản lý	2.257.151	2.051.955	205.196	
2	Vốn tỉnh hỗ trợ	1.078.110	980.100	98.010	
3	Vốn Trung ương hỗ trợ	693.000	630.000	63.000	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 33 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Lộc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
	TỔNG SỐ	**4.115.970**	**3.510.055**	**1.989.955**	**890.100**	**630.000**	**3.662.055**	**2.051.955**	**980.100**	**630.000**	**152.000**	**-**	
A	**CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**	**2.349.663**	**1.826.836**	**894.836**	**547.000**	**385.000**	**1.978.836**	**956.836**	**637.000**	**385.000**	**152.000**	**-**	
I	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***	**649.475**	**418.657**	**338.657**	**80.000**	**-**	**418.657**	**338.657**	**80.000**	**-**	**-**	**-**	
1	Đường từ đồi đất đỏ đi trung tâm xã Lộc Thành	6.494	3.494	3.494			3.494	3.494					Hoàn thành
2	Đường từ QL13 đi xã Lộc An và Lộc Hiệp	60.000	54.314	54.314			54.314	54.314					Hoàn thành
3	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn	150.000	150.000	150.000			150.000	150.000					
4	Đường từ tổ 4 ấp 8 (ngã ba nhà ông Tư Lễ) đi trung tâm hành chính xã	4.999	200	200			200	200					Hoàn thành
5	Đường nhựa ấp Cần Dực đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ đường xuyên Á đi nhà ông Ngô Văn Dũng)	5.382	391	391			391	391					Hoàn thành
6	Đường từ ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2 đi trung tâm xã Lộc Thành	5.999	2.999	2.999			2.999	2.999					Hoàn thành
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu thị trấn Lộc Ninh	11.466	11.466	11.466			11.466	11.466					Hoàn thành
8	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh	10.487	10.487	10.487			10.487	10.487					Hoàn thành
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường tiểu học Lộc Thái A đi xã Lộc Thiện)	12.000	6.230	6.230			6.230	6.230					Quyết toán
10	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp) giai đoạn 2	8.649	8.649	8.649			8.649	8.649					Quyết toán
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)	15.000	9.000	9.000			9.000	9.000					Đang QT
12	XD Cầu BTCT đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	5.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Hoàn thành
13	Đường từ ấp Vườn Bưởi đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ tổ 3, ấp Vườn Bưởi đi tổ 8, ấp Măng Cải)	9.924	1.124	1.124			1.124	1.124					Hoàn thành
14	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa	55.000	25.228	25.228			25.228	25.228					Đang QT
15	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tê, xã Lộc Thành	39.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Đang QT
16	Đường từ Cầu ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến Công ty cao su Lộc Ninh	4.575	4.575	4.575			4.575	4.575					Hoàn thành
17	Đường tránh QL13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	245.000	125.000	45.000	80.000		125.000	45.000	80.000				Thi công
II	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***	***1.700.188***	***1.408.179***	***556.179***	***467.000***	***385.000***	***1.560.179***	***618.179***	***557.000***	***385.000***	***152.000***	**-**	
1	Đường liên ấp từ tổ 4 ấp Chàng Hai đi tổ 7,9 ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	15.000	15.000	15.000			15.000	15.000					Quyết toán
2	Đường từ ngã tư Mủi Tôn, xã Lộc Thiện đi xã Lộc Thái	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000					Quyết toán

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
3	Cầu BTCT đường Phan Chu Trinh (nối dài)	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Hoàn thành
4	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thiện (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi ấp K54, xã Lộc Thiện)	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000					Thiết kế xong
5	Đầu tư hạ tầng quy hoạch khu dân cư xã Lộc Thái	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Hoàn thành
6	Nâng cấp đường từ tổ 1 ấp Bồn Xăng đi khu di tích lịch sử Bồn Xăng VK98, xã Lộc Quang	6.990	6.990	6.990			6.990	6.990					Quyết toán
7	Đường ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	3.379	3.379	3.379			3.379	3.379					Hoàn thành
8	Xây dựng kè đá và san lấp mặt bằng khu đất trước trụ sở UBND xã Lộc Quang	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990					Hoàn thành
9	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 1,4 ấp Cần Lê xã Lộc Khánh(giai đoạn 2)	4.500	4.500	4.500			4.500	4.500					Thi công
10	Đường tổ 6,7 ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	6.505	6.505	6.505			6.505	6.505					Hoàn thành
11	Đường liên ấp Thắng Lợi - Tân Lợi đi trung tâm hành chính xã Lộc Phú	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995					Hoàn thành
12	Đường từ ngã ba cây xăng Như Ý đi QL13, xã Lộc Hoà	4.447	4.447	4.447			4.447	4.447					Hoàn thành
13	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,2 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Thi công
14	XD đường vành đai ấp 11B đi ấp 10, xã Lộc Thiện	2.981	2.981	2.981			2.981	2.981					Thi công
15	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An	2.120	2.120	2.120			2.120	2.120					Thi công
16	Đường từ chợ Lộc Hiệp đi đường ĐT 756 và đường ấp Hiệp Hoàn (quanh hồ Cầu Trắng) xã Lộc Hiệp	3.424	3.424	3.424			3.424	3.424					Hoàn thành
17	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường nhựa từ trung tâm hành chính xã đi ấp Kliêu xã Lộc Thành	2.689	2.689	2.689			2.689	2.689					Thi công
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Ngân hàng Lộc Thái đi xã Lộc Điền (đoạn từ ngã ba Ngân hàng đi cây xăng Thiên Phú)	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Hoàn thành
19	Đường từ tổ 5B đi tổ 11 ấp 8 xã Lộc Điền	3.946	3.946	3.946			3.946	3.946					Thi công
20	Đường tổ 1 ấp Măng Cải và đường tổ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998					Phê duyệt BC KTKT
21	Xây dựng hệ thống mương tổ 1 ấp 11B, xã Lộc Thiện	1.165	1.165	1.165			1.165	1.165					Thi công
22	Giảm độ dốc của đường dân sinh đấu nối QL13, xã Lộc Tấn	985	985	985			985	985					Hoàn thành
23	Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	10.500	10.500	10.500			10.500	10.500					Hoàn thành
24	Đường GTNT ấp Lộc Bình 2 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành	4.260	4.260	4.260			4.260	4.260					Đang thiết kế
25	Đường nhựa ấp Tà Tê 1 đi Trung tâm hành chính xã Lộc Thành (đoạn từ kênh thủy lợi đến đập nước Tà Tê)	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
26	Đường nhựa Cầu Bù Linh đi ấp 7 xã Lộc Thuận	5.409	5.409	5.409			5.409	5.409					Đang thiết kế
27	Đường tổ 11 đi tổ 13 ấp 8, xã Lộc Điền	4.839	4.839	4.839			4.839	4.839					Hoàn thành
28	Đường ấp Bù Tam, xã Lộc Quang	5.358	5.358	5.358			5.358	5.358					Thi công
29	Xây dựng mương kè tuyến đường tổ 4 ấp Việt Tân, tổ 2,3 ấp Bù Tam xã Lộc Quang	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Phê duyệt BC KTKT
30	Xây dựng mương thoát nước tổ 2,5 ấp 10 xã Lộc Thiện	1.183	1.183	1.183			1.183	1.183					Phê duyệt BC KTKT
31	Xây dựng cầu BTCT ấp 8 và cầu BTCT ấp 2 đi ấp 6 xã Lộc Điền	2.600	2.600	2.600			2.600	2.600					Đang thiết kế
32	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường bê tông và đường nhựa ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành	1.474	1.474	1.474			1.474	1.474					Đang thiết kế
33	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,4 ấp Vườn Bưởi và tổ 8 ấp 11B xã Lộc Thiện	1.363	1.363	1.363			1.363	1.363					Phê duyệt BC KTKT
34	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 6, xã Lộc An	1.550	1.550	1.550			1.550	1.550					Hoàn thành
35	Xây dựng mương và cầu bản trên tuyến đường tổ 1 ấp 3 xã Lộc An	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995					Đang thiết kế
36	Xây dựng cống bê tông cốt thép tại tổ 4 ấp 5C, xã Lộc Tấn	600	600	600			600	600					Hoàn thành
37	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3, xã Lộc Điền	992	992	992			992	992					Hoàn thành
38	Xây dựng mương thoát nước đường BTXM ấp 8, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	1.926	1.926	1.926			1.926	1.926					Thi công
39	Đường từ QL13 đi Nghĩa trang nhân dân huyện	11.000	11.000	11.000			11.000	11.000					Thi công
40	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp (giai đoạn 2)	21.000	21.000	21.000			21.000	21.000					Đang thiết kế
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Ba Ven đi khu 41 hộ ấp Cần Lê	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000					Thiết kế xong
42	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL13 đến chợ xã Lộc Hòa	14.500	14.500	14.500			14.500	14.500					Đang thiết kế
43	Đường từ Trường TH Lộc Thiện B đi ấp 4A, xã Lộc Tấn	9.000	9.000	9.000			9.000	9.000					Thiết kế xong
44	Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp đi ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú	11.200	13.500	13.500			13.500	13.500					Thi công
46	Xây dựng mương thoát nước tổ 3,4 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	2.130	2.130	2.130			2.130	2.130					Quyết toán
47	Đường từ ngã ba nhà ông Tú đi cụm dân cư liền kề chốt dân cư biên giới, xã Lộc Hoà	6.998	6.998	6.998			6.998	6.998					Quyết toán
48	Xây dựng đường từ QL13 đi ấp 8, xã Lộc Hoà	2.520	2.520	2.520			2.520	2.520					Quyết toán
49	XD kè, mương thoát nước đường BTXM ấp 8 (phía Tây), xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Quyết toán

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
50	Đường từ Nhà sản văn hóa ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990					Hoàn thành
51	Đường từ tổ 3 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990					Hoàn thành
52	Đường từ ngã ba nhà ông Kha đi chốt tuần tra biên giới xã Lộc An	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995					Đang thiết kế
53	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An (giai đoạn 2)	2.290	2.290	2.290			2.290	2.290					Đang thiết kế
54	XD kè mương chống sạt lở tuyến tổ 7 ấp 6, xã Lộc An	2.086	2.086	2.086			2.086	2.086					Đang thiết kế
55	Nâng cấp tuyến đường GTNT tổ 1,2 ấp 7 xã Lộc An	3.710	3.710	3.710			3.710	3.710					Đang thiết kế
56	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 4 (đoạn dốc Hỏa Tiễn) xã Lộc An	3.850	3.850	3.850			3.850	3.850					Thi công
57	Xây dựng hệ thống mương thoát nước ấp 8 xã Lộc Thuận	3.300	3.300	3.300			3.300	3.300					Đang thiết kế
58	Đường sỏi đỏ ấp 10 xã Lộc Thuận	4.594	4.594	4.594			4.594	4.594					Thi công
59	Xây dựng mương thoát nước cổng chào ấp 3B đi điểm trường học ấp 3B, xã Lộc Thuận	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Đang thiết kế
60	Xây dựng mương thoát nước Chùa Linh Sơn đi tổ 9 ấp 2 xã Lộc Thuận	3.200	3.200	3.200			3.200	3.200					Đang thiết kế
61	Đường GTNT tổ 2 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thuận	2.136	2.136	2.136			2.136	2.136					Hoàn thành vốn BTXM
62	Xây dựng hệ thống mương trên các tuyến đường khu dân cư trung tâm ấp Lộc Bình 1, xã Lộc Thành	5.255	5.255	5.255			5.255	5.255					Đang thiết kế
63	Mương đá hộc trên các tuyến đường ấp Bồn Xăng xã Lộc Quang	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995					Hoàn thành
64	Xây dựng đường tổ 3 ấp Việt Quang kết nối đường ĐT756 xã Lộc Quang	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Hoàn thành
65	Xây dựng cống, mương thoát nước ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Đang thiết kế
66	Xây dựng mương ấp 7 xã Lộc Điền	1.250	1.250	1.250			1.250	1.250					Hoàn thành
67	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3 (giai đoạn 2)	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500					Hoàn thành
68	XD đường GTNT tổ 1,2 ấp 4, xã Lộc Điền	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Hoàn thành
69	Đường ấp 9 đi TTHC xã Lộc Điền	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998					Đang thiết kế
70	Đường GTNT tổ 2 ấp 9 xã Lộc Điền	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Hoàn thành
71	Xây dựng mương kè tuyến đường tại tổ 8 ấp 2, tổ 4,6 ấp 3 và tổ 5 ấp 4, xã Lộc Điền	1.790	1.790	1.790			1.790	1.790					Đang thiết kế
72	XD kè mương thoát nước tổ 3 ấp 10 và tổ 6 ấp 11B, xã Lộc Thiện	1.400	1.400	1.400			1.400	1.400					Phê duyệt BC KTKT

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
73	Đường tổ 6 ấp Vườn Bưởi đi tổ 7 ấp Măng Cải	1.103	1.103	1.103			1.103	1.103					Phê duyệt BC KTKT
74	Xây dựng cống, mương thoát nước tổ 9 ấp K54, xã Lộc Thiện	1.086	1.086	1.086			1.086	1.086					Quyết toán
75	Xây dựng mương thoát nước ấp Sóc Lớn xã Lộc Khánh	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Hoàn thành
76	Xây dựng mương thoát nước ấp Quyết Thành xã Lộc Khánh	2.500	2.500	2.500			2.500	2.500					Hoàn thành
77	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,3 ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Đang thiết kế
78	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường D6 khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Hoàn thành
79	XD mương đường D1,D2,D3,D4,D6, thị trấn Lộc Ninh	2.001	2.001	2.001			2.001	2.001					Đang thiết kế
80	Nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Hoàn thành
81	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999					Thi công
82	Xây dựng đường GTNT tổ 6, tổ 10 ấp 6, xã Lộc Hưng	4.999	7.500	7.500			7.500	7.500					Thi công
83	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 3, tổ 7,8 ấp 6 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709			1.709	1.709					Đang thiết kế
84	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 4, tổ 7 ấp 1 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709			1.709	1.709					Đang thiết kế
85	Đường từ ngã 3 cầu sập đi ngã 4 nhà văn hóa ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995					Đang thiết kế
86	Đường nhựa ấp Bù Núi xã Lộc Tấn	6.991	6.991	6.991			6.991	6.991					Đang thiết kế
87	Đường nhựa tổ 2,6,7 ấp Tân Hai xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh	6.996	6.996	6.996			6.996	6.996					Hoàn thành
88	Đường nhựa tổ 10, ấp Tân Hai đi Trung tâm hành chính xã Lộc Phú	6.998	6.998	6.998			6.998	6.998					Thi công
89	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	13.000	13.000	13.000			13.000	13.000					Đang thiết kế
90	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp	1.700	1.700	1.700			1.700	1.700					Hoàn thành
91	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư Trung tâm xã Lộc An	5.400	5.400	5.400			5.400	5.400					Đang thiết kế
92	Đầu tư hạng tầng khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500					Hoàn thành
93	Nâng cấp đường nội bộ chợ Lộc Ninh	3.100	3.100	3.100			3.100	3.100					Hoàn thành
94	Đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL13	22.000	22.000	22.000			22.000	22.000					Thi công
95	Đường nhựa từ khu di tích Tà Thiết đi cửa khẩu Lộc Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	55.000	55.000	55.000			55.000	55.000					Thi công

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
96	Đường từ ngã ba Hồ Bom, thị trấn Lộc Ninh đi ấp 10, xã Lộc Thiện	28.000	28.000	28.000			28.000	28.000					Thi công
97	Xây dựng cống bản ấp Thạnh Tây (Cầu Sập), xã Lộc Tấn	963	963	963			963	963					Thi công
98	Xây dựng cống thoát nước tổ 2, ấp Thạnh Tân, xã Lộc Thạnh	493	493	493			493	493					Thi công
99	Xây dựng mới cống suối đá tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú	900	900	900			900	900					Thi công
100	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, thị trấn Lộc Ninh	1.209	1.209	1.209			1.209	1.209					Thi công
101	Đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối với đường phía Tây QL13	100.000	90.000		90.000		90.000		90.000				Đang thiết kế
102	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	60.000	54.000		54.000		54.000		54.000				Thiết kế xong
103	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	100.000	90.000		90.000		90.000		90.000				Đang thiết kế
104	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh và nhánh rẽ X16	90.000	81.000		81.000		81.000		81.000				Hoàn thành
105	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	45.000	40.500		40.500		40.500		40.500				Thi công
106	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	27.000		27.000		27.000		27.000				Thi công
107	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	27.000		27.000		27.000		27.000				Thi công
108	Đường từ UBND xã Lộc Thuận kết nối QL13	60.000	60.000			60.000	60.000			60.000			Đang thiết kế
109	Đường tránh phía Đông QL13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	210.000	210.000			210.000	210.000			210.000			Đang thiết kế
110	Đường ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54, xã Lộc Thiện đấu nối đường Tà Thiết - Hoa Lư và nhánh rẽ	95.000	-				-						
111	Đường Bù Núi đi đường tuần tra Biên giới	115.000	115.000			115.000	115.000			115.000			Đang thiết kế
112	Mở rộng đường Lê Lợi, Thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)	8.500	4.190	4.190			4.190	4.190					Thiết kế xong
113	Đường từ cổng chào ấp K54 xã Lộc Thiện đấu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành - Hoa Lư)	30.000	30.000		30.000		30.000		30.000				Thi công
114	Xây dựng cầu Bù Núi xã Lộc Tấn	10.000	10.000		10.000		10.000		10.000				Thi công
115	Xây dựng kè chắn mố cầu Đường Huỳnh Tấn Phát - thị trấn Lộc Ninh	3.000	3.000		3.000		3.000		3.000				Thi công
116	Xây dựng cầu BTCT ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	12.000	12.000		12.000		12.000		12.000				Đang thiết kế
117	Nâng cấp đường từ trại giam (đường nội bộ) Công An huyện đấu nối đường Phan Chu Trinh	2.500	2.500		2.500		2.500		2.500				Thi công
118	Đường từ ấp Tân Hai, ấp Thắng Lợi, xã Lộc Phú đi khu dự án 1592, xã Lộc Hiệp	90.000					90.000		90.000		90.000		Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
119	Đường tổ 5, ấp Tam Nguyên, xã Lộc Quang kết nối đường ĐT756	17.000					17.000	17.000			17.000		Đang thiết kế
120	Đường từ cầu ông Kỳ, thị trấn Lộc Ninh đi xã Lộc Thuận	45.000					45.000	45.000			45.000		Đang thiết kế
B	**CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**	**534.051**	**500.951**	**267.751**	**233.200**	**-**	**500.951**	**267.751**	**233.200**	**-**	**-**	**-**	
I	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***	***20.801***	***3.701***	***3.701***	***-***	***-***	***3.701***	***3.701***	***-***	***-***			
1	XD 08 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thành	4.257	157	157			157	157					Quyết toán
2	XD 12 phòng học lầu trường TH Lộc Hưng	5.325	225	225			225	225					Quyết toán
3	XD 08 phòng học lầu trường THCS Lộc Điền	6.000	300	300			300	300					Quyết toán
4	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Quang	5.219	119	119			119	119					Quyết toán
5	XD 18 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thiện		2.900	2.900			2.900	2.900					Quyết toán
II	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***	***513.250***	***497.250***	***264.050***	***233.200***	***-***	***497.250***	***264.050***	***233.200***	***-***	***-***	***-***	
1	XD nhà tập đa năng và 04 phòng lầu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Điền	7.500	7.500	7.500			7.500	7.500					Thi công
2	XD 06 phòng học lầu (điểm lẻ) trường TH Lộc Thuận B	4.600	4.600	4.600			4.600	4.600					Thi công
3	XD 24 phòng học lầu trường THCS Lộc Khánh	19.500	22.500	22.500			22.500	22.500					Thi công
4	Xây dựng 07 phòng học và chức năng, 04 phòng hỗ trợ học tập, hội trường và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Điền A	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thi công
5	Xây dựng 08 phòng học lầu, hàng rào, sân bê tông Trường Tiểu học Lộc Điền B	5.350	5.350	5.350			5.350	5.350					Thi công
6	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Hưng	10.000	-				-						
7	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Hưng	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thi công
8	XD 10 phòng học lầu, 02 phòng ngoại ngữ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp	12.600	12.600	12.600			12.600	12.600					Thi công
9	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hiệp	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thi công
10	XD nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái A	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Hoàn thành
11	XD 12 phòng học lầu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và khối phòng hỗ trợ học tập) trường THCS Lộc Tấn	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thi công
12	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B	6.500	6.500	6.500			6.500	6.500					Hoàn thành
13	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Thái	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Thi công
14	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thi công

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
15	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A (vị trí mới)	19.000	19.000	19.000			19.000	19.000					Thi công
16	Xây dựng 12 phòng học lý thuyết (khối tiểu học) và 06 phòng học bộ môn (khối THCS) Trường TH&THCS Lộc Thành	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000					Thi công
17	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tấn)	30.000	30.000		30.000		30.000		30.000				Thi công
18	Xây dựng Trường TH và THCS Lộc Phú	37.500	37.500		37.500		37.500		37.500				Đang thiết kế
19	Xây dựng Trường THCS Lộc Thái	37.500	37.500		37.500		37.500		37.500				Đang thiết kế
20	Trường mẫu giáo Lộc Thái	20.000	18.000		18.000		18.000		18.000				Đang thiết kế
21	Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	20.000	18.000		18.000		18.000		18.000				Thi công
22	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	50.000	45.000		45.000		45.000		45.000				Hoàn thành
23	XD 12 phòng học và đa năng trường THPT Lộc Hiệp	13.500	13.500		13.500		13.500		13.500				Thi công
24	XD nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	5.000	5.000	5.000			5.000	5.000					Thi công
25	XD 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000					Thi công
26	XD 04 phòng học hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học Trường TH Lộc Thái B	5.000	5.000	5.000			5.000	5.000					Thi công
27	XD 06 phòng học và chức năng và các công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo Vàng Anh	9.000	9.000		9.000		9.000		9.000				Thi công
28	XD 03 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Hưng	14.900	14.900		14.900		14.900		14.900				Thi công
29	XD Đường điện THT và trạm điện ba pha trường TH Lộc Thái A	800	800		800		800		800				Thi công
30	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ, nhà xe học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường TH và THCS Lộc An	9.000	9.000		9.000		9.000		9.000				Phê duyệt BC KTKT
31	Xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe giáo viên, nhà để xe học sinh, nhà vệ sinh giáo viên, cổng, kè đá, sân bê tông, nâng cấp 02 khối phòng học cũ thành phòng chức năng Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	5.500	5.500	5.500			5.500	5.500					Đang thiết kế
32	Xây dựng nhà thể thao có mái che, nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh, hệ thống thoát nước, giếng khoan, sân bê tông Trường THCS Lộc Quang	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000					Đang thiết kế
33	Xây dựng 06 phòng học bộ môn (khối TH), nhà thể dục thể thao có mái che (khối THCS) và một số hạng phụ trợ Trường TH và THCS Lộc Thành	11.000	11.000	11.000			11.000	11.000					Đang thiết kế
34	Xây dựng 09 phòng học lý thuyết, 05 phòng bộ môn, 05 phòng hỗ trợ học tập, hệ thống PCCC và một số hạng mục phụ trợ Trường THCS Lộc Thái	31.000	31.000	31.000			31.000	31.000					Đang thiết kế
C	**CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**	**409.492**	**384.616**	**364.716**	**19.900**	**-**	**384.616**	**364.716**	**19.900**	**-**	**-**	**-**	**-**
I	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***	**33.434**	**13.297**	**13.297**	**-**	**-**	**13.297**	**13.297**	**-**	**-**			
1	XD Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	20.509	1.372	1.372			1.372	1.372					Quyết toán

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
2	XD Hội trường BCH Quân sự huyện	8.500	8.500	8.500			8.500	8.500					Quyết toán
3	XD Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện	3.260	3.260	3.260			3.260	3.260					Quyết toán
4	San lấp mặt bằng trường MG Lộc Hưng	1.165	165	165			165	165					Hoàn thành
II	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***	***376.058***	***371.319***	***351.419***	***19.900***	***-***	***371.319***	***351.419***	***19.900***	***-***	***-***	***-***	
1	XD Sân vận động-Nhà thi đấu đa năng huyện (Lộc Thái)	42.000	42.000	42.000			42.000	42.000					Đang thiết kế
2	XD Trung tâm hành chính huyện	200.000	200.000	200.000			200.000	200.000					Thiết kế xong
3	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thị trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)	10.500	10.500	10.500			10.500	10.500					Thi công
5	Xây dựng nhà văn hoá khu phố Ninh Thuận, Ninh Thạnh và Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thi công
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Hoàn thành
7	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, 8B, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Thi công
8	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, ấp 9 xã Lộc Thái	2.820	2.820	2.820			2.820	2.820					Thi công
9	Xây dựng Hội trường UBND xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thi công
10	Xây dựng nhà văn hoá ấp Hiệp Hoàn A, Hiệp Tâm A và ấp Hiệp Thành Tân, xã Lộc Hiệp	3.228	3.228	3.228			3.228	3.228					Thi công
11	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 4,5 và 6 xã Lộc Hưng	1.617	1.617	1.617			1.617	1.617					Thi công
12	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 7,8 và 9 xã Lộc Hưng	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995					Đang thiết kế
13	XD cổng, kè đá, cây xanh, thiết bị Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.600	1.600	1.600			1.600	1.600					Hoàn thành
14	Xây dựng nhà khách Ban chỉ huy quân sự huyện Lộc Ninh	17.775	17.775	17.775			17.775	17.775					Đang thiết kế
15	Xây dựng các hạng mục căn cứ Hậu cần – Kỹ thuật	6.065	6.065	6.065			6.065	6.065					Đang thiết kế
16	Nhà làm việc Ban Công an xã Lộc Hiệp	3.500	-	-			-	-					
17	Xây dựng kè chắn đất nhà văn hóa ấp K54, xã Lộc Thiện	600	600	600			600	600					Phê duyệt BC KTKT
18	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bia đá, cảnh quan khu vực X16 (giai đoạn 2)	10.000	10.000	10.000			10.000	10.000					Thi công
19	Xây mới kè đá Trường mầm non Sao Mai	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000					Thi công
20	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	1.200	1.200	1.200			1.200	1.200					Hoàn thành
21	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Lộc Ninh	3.500	5.000	5.000			5.000	5.000					Thi công

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
22	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	8.472	8.472	8.472			8.472	8.472					Đang thiết kế
23	Xây dựng kho chứa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và phòng lưu trữ Ban QL rừng phòng hộ Lộc Ninh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Thi công
24	Xây dựng hàng rào, nhà xe Hạt Kiểm Lâm huyện	1.000	1.000		1.000		1.000		1.000				Thi công
25	Xây dựng hồ nước phòng, chống cháy rừng và tạo cảnh quang trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền Nam Việt Nam	14.900	14.900		14.900		14.900		14.900				Đang thiết kế
26	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu chạy thận nhân tạo, khu nhà đại thể, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước thải y tế, cổng phụ và ram dốc Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	4.000	4.000		4.000		4.000		4.000				Phê duyệt BC KTKT
27	Xây dựng hàng rào, sửa chữa Hội trường, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy Văn phòng Huyện ủy	2.700	2.700	2.700			2.700	2.700					Đang thiết kế
28	Xây dựng hàng rào, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy trụ sở UBND huyện	2.700	2.700	2.700			2.700	2.700					Đang thiết kế
29	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông kè đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc An	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Đang thiết kế
30	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hoà	850	850	850			850	850					Đang thiết kế
31	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Tấn	1.100	1.100	1.100			1.100	1.100					Đang thiết kế
32	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thạnh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Đang thiết kế
33	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thành	1.100	1.100	1.100			1.100	1.100					Đang thiết kế
34	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông kè đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc Thiện	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Đang thiết kế
35	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hiệp	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Đang thiết kế
36	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Quang	2.300	2.300	2.300			2.300	2.300					Đang thiết kế
37	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thuận	2.200	2.200	2.200			2.200	2.200					Đang thiết kế
38	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Phú	2.300	2.300	2.300			2.300	2.300					Đang thiết kế
D	**CÔNG TRÌNH ĐIỆN**	**59.773**	**44.022**	**44.022**	**-**	**-**	**44.022**	**44.022**	**-**	**-**	**-**		
I	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***	***21.089***	*5.338*	*5.338*	-	-	*5.338*	*5.338*	-	-	-		
1	Điện ấp 11, xã Lộc Thuận	1.671	1.671	1.671			1.671	1.671					Thi công
2	Điện tổ 4, ấp Chàng hai đi tổ 7, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	3.951	100	100			100	100					Thi công
3	Điện THT ấp K57, xã Lộc Tấn	2.387	2.387	2.387			2.387	2.387					Thi công
4	Đường dây trung hạ thế và TBA các ấp Tân Hai, SoocRung, Tân Lợi, Bù Linh, Vẻ Vang và Thắng Lợi, xã Lộc Phú	5.508	108	108			108	108					Thi công

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
5	Điện tổ 3-6-7, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (đoạn từ nhà bà Thảo đến nhà bà Tám Tuyết)	3.332	332	332			332	332					Thi công
6	Điện khu Đồi Trò ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh	4.240	740	740			740	740					Thi công
II	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***	***38.684***	***38.684***	***38.684***	***-***	***-***	***38.684***	***38.684***	***-***	***-***			
1	Điện thắp sáng nông thôn	12.811	12.811	12.811			12.811	12.811					
2	Điện tổ 1,2,3,5,7 ấp Đồi Đá, Lộc Khánh	5.900	5.900	5.900			5.900	5.900					Thi công
3	Điện tổ 6,7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	5.700	5.700	5.700			5.700	5.700					Thi công
5	Điện tổ 10, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh	350	350	350			350	350					Thi công
6	Điện ấp Hiệp Tâm, Hiệp Hoàn A, Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thi công
7	Điện ấp 7, xã Lộc Hòa	2.700	2.700	2.700			2.700	2.700					Thi công
8	Điện ấp 8C, xã Lộc Hòa	4.300	4.300	4.300			4.300	4.300					Thi công
9	Điện trung hạ thế và trạm biến áp đường Đồng Tâm - Lộc Khánh	2.823	2.823	2.823			2.823	2.823					Hoàn thành
G	**CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**	**490.258**	**480.258**	**145.258**	**90.000**	**245.000**	**480.258**	**145.258**	**90.000**	**245.000**			
I	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***												
II	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***	***490.258***	***480.258***	***145.258***	***90.000***	***245.000***	***480.258***	***145.258***	***90.000***	***245.000***			
1	Hồ chứa nước thị trấn Lộc Ninh (bao gồm GPMB)	118.000	118.000	118.000			118.000	118.000					Đang thiết kế
2	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm Trường)	100.000	90.000		90.000		90.000		90.000				Thi công
3	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biến đi cầu Đỏ xã Lộc Điền)	150.000	150.000	15.000		135.000	150.000	15.000		135.000			Thi công
4	Hệ thống kênh tưới huyện	110.000	110.000			110.000	110.000			110.000			Đang thiết kế
5	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	2.258	2.258	2.258			2.258	2.258					Thi công
6	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Heo, thị trấn Lộc Ninh	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000					Hoàn thành
7	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000					Thi công
H	**CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**	**80.000**	**80.000**	**80.000**	**-**	**-**	**80.000**	**80.000**	**-**	**-**			

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 22 ngày 30/10/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
1	Chi phí GPMB các dự án trên địa bàn huyện Lộc Ninh	80.000	80.000	80.000			80.000	80.000					
I	**CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI - ANTT (01 dự án)**	**5.000**	**5.000**	**5.000**			**5.000**	**5.000**					
1	Hệ thống Camera an ninh	5.000	5.000	5.000			5.000	5.000					Quyết toán
K	**CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1000 HỘ NGHÈO ĐBDTTS**	**19.114**	**19.114**	**19.114**			**19.114**	**19.114**					
L	**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	**81.000**	**81.000**	**81.000**			**81.000**	**81.000**					
M	**CHƯƠNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG**	**42.530**	**42.530**	**42.530**			**42.530**	**42.530**					
N	**VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**	**22.100**	**22.100**	**22.100**	**-**	**-**	**22.100**	**22.100**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Ninh đến năm 2040	5.900	5.900	5.900			5.900	5.900					
2	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Thái	4.600	4.600	4.600			4.600	4.600					
3	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Hiệp	6.800	6.800	6.800			6.800	6.800					
4	Lập nhiệm vụ và lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2.600	2.600	2.600			2.600	2.600					
5	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các xã nông thôn mới	2.200	2.200	2.200			2.200	2.200					
O	**VỐN TẤT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN**	**2.989**	**3.628**	**3.628**			**3.628**	**3.628**					
P	**VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025**	**20.000**	**20.000**	**20.000**			**20.000**	**20.000**					

Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư

(Kèm theo Nghị quyết số: 33 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Lộc Ninh)

Đvt: Triệu đồng.

TT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn theo NQ 22	Kế hoạch điều chỉnh vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng	**4.500**	**4.500**		
1	Xây dựng hệ thống cản dâng nước	2.000	2.000	Ban QLR phòng hộ Tà Thiết	
2	Xây dựng mới đường tuần tra bảo vệ và Chốt QLBVR (chốt số 3)	2.500	2.500	Ban QLR phòng hộ Tà Thiết	